

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-PT  
Ngày 18-01-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Danh Đại.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Anh Ứng và bà Phạm Thị Thông.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Vương Thị Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2021/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 62/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 79/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 87/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị T; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khánh L; địa chỉ: Số 06 NQ, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 04-02-2021*) – Có mặt.

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Chí C; cùng địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khánh L; địa chỉ: Số 06 NQ, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 04-02-2021*) – Có mặt.

**- Người làm chứng:**

Ông Nguyễn Phúc K; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông –

Vắng mặt.

Ông Y Th; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Khánh L.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-11-2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Khánh L (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H) trình bày:***

Gia đình bà T làm nghề kinh doanh phân bón và cà phê. Năm 2019, vợ chồng anh C, chị Tr nợ tiền mua phân bón và cà phê của bà T với tổng số tiền 59.898.000 đồng, cụ thể: Ngày 05-10-2019 nợ 17.360.000 đồng tiền mua phân bón; ngày 27-11-2019 nợ 42.538.000 đồng tiền mua cà phê; hai bên thỏa thuận lãi suất đối với số tiền nợ là 01%/tháng. Khoản nợ này là tài sản chung của bà T và ông H.

Thông thường bà T và anh C, chị Tr thỏa thuận cho nợ đến cuối năm âm lịch sẽ trả và chốt sổ. Tuy nhiên, cuối năm 2019 bà T đòi nhiều lần nhưng anh C, chị Tr không trả. Ngày 06-2-2020, bà T đến nhà đòi nợ thì anh C, chị Tr đánh bà T gây thương tích. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu anh C, chị Tr phải trả số tiền gốc là 59.898.000 đồng; tiền lãi đối với khoản tiền gốc 17.360.000 đồng x 01% x 08 tháng = 1.388.000 đồng; tiền lãi đối với khoản tiền gốc 42.000.000 đồng x 01% x 07 tháng = 2.940.000 đồng, tổng cộng 65.226.000 đồng và tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngày 13-9-2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền mua cà phê 42.538.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 06-02-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (14-9-2021).

***Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:*** Chị thừa nhận trong năm 2019, chị có nợ bà T số tiền mua phân bón là 17.830.000 đồng và tiền mua cà phê là 42.538.000 đồng. Tuy nhiên, năm 2018 bà T sang nhượng cho chị 01 miếng đất rẫy diện tích 7,6ha với giá 630.000.000 đồng, chị đã giao đủ tiền và nhận đất canh tác. Bà T thỏa thuận nếu thiếu đất theo hợp đồng thì bà T sẽ trả lại tiền cho chị. Quá trình sử dụng đất, chị phát hiện bà T giao thiếu 1,8ha nên nói với bà T thì bà T hẹn tới mùa cà phê sẽ cho chị lấy phân bón và cà phê tươi để bù tiền nên chị mới nhận phân bón và cà phê về. Do đó, chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Đồng thời, đây chỉ là khoản nợ riêng giữa chị và bà T, không liên quan đến anh Nguyễn Chí C.

***Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Chí C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh C.***

***Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng trình bày:***

- Ông Nguyễn Phúc K: Năm 2019, ông có thỏa thuận với bà T về việc bà T đầu tư phân bón cho ông, đến cuối năm thu hoạch cà phê ông sẽ bán lại và trừ nợ cho bà T. Cuối năm 2019, sau khi thu hoạch xong thì ông gọi bà T vào cân cà

phê để trừ nợ, số lượng ông không nhớ chính xác, khoảng hơn 04 tấn. Bà T báo với ông là anh C, chị Tr vào sẽ chở cà phê, chia làm 03 đợt trong 03 ngày liên tục, trong đó lần đầu và lần thứ ba có mặt anh C và một số người bốc vác, lần thứ hai có mặt chị Tr và anh C. Giữa ông và bà T đã thanh toán với nhau toàn bộ số cà phê mà anh C, chị Tr đã chở. Ngoài ra ông không biết gì thêm.

- Anh Y Th: Ngày 02-10-2019, anh đi làm thuê cho chị Tr và anh C, chị Tr có nhờ anh ra nhà bà T chở giúp chị Tr phân bón nên anh đã đến nhà bà T để chở 02 bao phân SA và 01 bao phân Kali, có ký vào sổ của bà T. Ngoài ra anh không biết gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2021/DS-ST ngày 14-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc chị Tr phải trả cho bà T và ông H tổng số tiền 66.700.000 đồng, trong đó tiền gốc là 59.898.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 06-02-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 14-9-2021 đối với số tiền nợ cà phê là 6.802.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc anh C phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ với chị Tr.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét xử lý hành chính đối với hành vi kinh doanh phân bón không có giấy phép đăng ký kinh doanh của bà T, quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12-10-2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Khánh L kháng cáo đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh C phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị Tr trả nợ cho bà T và ông H.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14-9-2021, nguyên đơn vắng mặt. Ngày 27-9-2021, nguyên đơn nhận được bản án sơ thẩm. Ngày 12-10-2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo là trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[1.2]. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố

tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về tiền nợ gốc: Bà T cung cấp 02 tờ giấy vớ ô ly thể hiện chị Tr nợ bà T tổng số tiền mua phân bón và cà phê là 59.898.000 đồng, đây là tài sản chung của bà T và ông H; tại văn bản trình bày đề ngày 12-7-2021, chị Tr thừa nhận có nợ tiền mua phân bón và cà phê như lời khai của bà T; đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Tr đã nhận đủ tài sản nhưng chưa thanh toán tiền cho bà T là vi phạm nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2]. Về tiền lãi phát sinh: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền 59.898.000 đồng, lãi suất 01%/tháng. Ngày 13-9-2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền cà phê 42.538.000 đồng, lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 06-02-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (14-9-2021), cụ thể: 42.538.000 đồng x 0,83%/tháng x 19 tháng 8 ngày = 6.802.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Tr phải thanh toán cho bà T và ông H tổng số tiền lãi 6.802.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. Về nghĩa vụ liên đới trả nợ của anh C: Việc chị Tr mua phân bón và cà phê của bà T xảy ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Tr và anh C. Mặc dù chỉ có chị Tr ký tên vào 02 giấy nhận nợ nhưng theo lời khai của ông Nguyễn Phúc K thì anh C là người trực tiếp vào nhà ông 03 lần để chở cà phê. Mục đích chị Tr mua phân bón là để sử dụng cho rẫy chung của gia đình và mua cà phê để sấy khô bán lại kiếm lời, anh C biết và là người cùng chị Tr đến nhà ông K chở cà phê. Do đó, cần xác định giao dịch do chị Tr thực hiện là nhằm làm tăng giá trị tài sản chung của vợ chồng, thuộc trường hợp phát sinh nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không buộc anh C phải liên đới chịu trách nhiệm với chị Tr trả nợ cho bà T và ông H là không đúng quy định của pháp luật.

[2.4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp, vì chị Tr, anh C đều biết việc mua bán cà phê nhằm mục đích phục vụ kinh tế gia đình và việc mua phân bón là để sử dụng cho rẫy chung của vợ chồng, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.5]. Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh C phải có trách nhiệm cùng chị Tr trả nợ cho bà T và ông H.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp sửa bản án sơ thẩm nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp; xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2021/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

**1. Áp dụng Điều 288, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự, tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, buộc chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Chí C phải liên đới trả cho bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn H tổng số tiền 66.700.000đ (*sáu mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*), bao gồm 59.898.000đ (*năm mươi chín triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng*) tiền gốc và 6.802.000đ (*sáu triệu tám trăm lẻ hai nghìn đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**2. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

**2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Chí C phải chịu 3.335.000đ (*ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Lê Thị T số tiền 1.631.000đ (*một triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

**2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:** Trả lại cho bà Lê Thị T số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Z ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

**3. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.**

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa dân sự; Tổ hành chính tư pháp; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên, đóng dấu)*

**Bùi Danh Đại**